

Số: /QĐ-PAS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

Gói thầu: GT_BC_01: Lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật

Dự toán mua sắm: tài sản, trang thiết bị, thuê hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin của
Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026 (đợt 1)

VIỆN TRƯỞNG VIỆN PASTEUR THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 4775/QĐ-BYT ngày 17/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-PAS ngày 11/4/2023 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các Khoa, Phòng, Trung tâm trực thuộc Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1180/QĐ-PAS ngày 19/12/2024 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, cập nhật Quyết định số 172/QĐ-PAS ngày 11/4/2023 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức các Khoa, Phòng, Trung tâm trực thuộc Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc Hội;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc Hội về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, Sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-BYT ngày 11/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định Ủy quyền số 112/QĐ-PAS ngày 09/3/2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền đối với Phó viện trưởng phụ trách kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 2908/QĐ-BYT ngày 14/09/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị, thuê hàng

hóa, dịch vụ công nghệ thông tin của các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc, trực thuộc Bộ Y tế năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 4058/QĐ-BYT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-PAS ngày 24/08/2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho dự toán mua sắm: tài sản, trang thiết bị, thuê hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin của Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026 (đợt 1);

Căn cứ Công văn số 2932/PAS-HCQT ngày 26/08/2026 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc Mời tham gia chỉ định và hoàn thiện dự thảo hợp đồng gói thầu GT_BC_01: Lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Công văn số 222/2026/ CV-FSC ngày 26/08/2026 của Công Ty TNHH Tư vấn và công nghệ FSC về việc chấp thuận tham gia thương thảo hoàn thiện dự thảo hợp đồng gói thầu GT_BC_01: Lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Biên bản hoàn thiện hợp đồng số 2808/BBHTHD ngày 28/08/2026 giữa Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh và Công Ty TNHH Tư vấn và công nghệ FSC;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính Quản trị tại tờ trình số 321/TTr-HCQT ngày 03/09/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu: GT_BC_01: Lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật thuộc Dự toán mua sắm: tài sản, trang thiết bị, thuê hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026 (đợt 1), bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Tên gói thầu: GT_BC_01: Lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật;
- Giá gói thầu: 386.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi sáu triệu đồng). Đã bao gồm thuế GTGT và các chi phí khác (nếu có);
- Tên chủ đầu tư: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chỉ định thầu rút gọn;
- Loại hợp đồng: Trọn gói;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá đề nghị chỉnh định thầu rút gọn (VNĐ)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Công Ty TNHH Tư vấn và công nghệ FSC	0109039647	386.000.000	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

3. Thông tin về hàng hóa trúng thầu: Chi tiết tại phụ lục I và II đính kèm.

Điều 2. Phòng Hành chính Quản trị căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Phòng Hành chính Quản trị và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.



Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Viện trưởng (để b/c);
- Tổ CNTT – Phòng HCQT (để thực hiện đăng tin trên website của Viện);
- Lưu: VT, HCQT.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

Đinh Xuân Thành

Phụ lục I

THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Đính kèm Tờ trình số /QĐ-PAS ngày tháng năm 2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh)

Danh mục:

TT	Nội dung chi phí	Diễn giải chi tiết	Đơn giá dự kiến	Đơn giá đề nghị chỉ	Thành tiền
			(gồm VAT)	định thầu	(gồm VAT)
1	Lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật	Theo Phụ lục 2 Khoản 1 Mục IV	392.931.000	386.000.000	386.000.000
TỔNG					386.000.000
Bằng chữ: Ba trăm tám mươi sáu triệu đồng.					

Phụ lục 2
BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN MUA SẴM

(Đính kèm Tờ trình số /QĐ-PAS ngày tháng năm 2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh)

ĐVT: đ

TT	Nội dung	Diễn giải			Căn cứ	Giá trị trước thuế	Thuế	Giá trị sau thuế	
		Ký hiệu	Hệ số (%)	Công thức					
I	Chi phí xây lắp	Gxl	Gxl1			-	-	-	
1	Chi phí xây lắp	Gxl1	Không có hạng mục này			-	-	-	
II	Chi phí mua sắm trang thiết bị	Gtb	Σ(Gtb1-Gtb2)			10.500.000.000	-	10.500.000.000	
1	PHẦN MỀM	Gtb1	Tạm tính, xác định sau khi thực hiện bước thẩm định giá và hoàn thiện báo cáo kinh tế kỹ thuật			10.500.000.000	-	10.500.000.000	
1.1	Phần mềm quản lý hành chính toàn diện và trực liên thông								
1.2	Phần mềm quản lý phòng khám đa khoa								
III	Chi phí Quản lý dự án	Gql	Gql1			-	-	-	
1	Quản lý dự án	Gql1	Chủ đầu tư tự thực hiện			-	-	-	
IV	Chi phí tư vấn	Gtv	Σ(Gtv1-Gtv5)			426.825.000	34.146.000	460.971.000	
1	Chi phí lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật	Gtv1	3,465			QĐ1688/2019	363.825.000	29.106.000	392.931.000
2	Lập HSMT, đánh giá HSDT	Gtv3	0,400	xGtb		NĐ214/2025	42.000.000	3.360.000	45.360.000
3	Thẩm định HSMT, thẩm định KQ LCNT	Gtv4	0,200	xGtb		NĐ214/2025	21.000.000	1.680.000	22.680.000

TT	Nội dung	Diễn giải			Căn cứ	Giá trị trước thuế	Thuế	Giá trị sau thuế
		Ký hiệu	Hệ số (%)	Công thức				
4	Chi phí giám sát công tác triển khai	Gtv5		Chủ đầu tư tự thực hiện		-	-	-
V	Chi phí khác	Gk		$\sum(Gk1-Gk4)$		129.433.518	11.824.681	141.258.199
1	Thẩm định giá	Gk1	0,700	xGtb	Tạm tính	73.500.000	7.350.000	80.850.000
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Gk2	0,387	$x(Gx1+Gtb+Gql+Gtv+Gk)x70\%$	NĐ254/2025	30.631.531	2.450.522	33.082.053
3	Chi phí kiểm toán	Gk3	0,639	$x(Gx1+Gtb+Gql+Gtv+Gk)x70\%x50\%$	NĐ254/2025	25.301.987	2.024.159	27.326.146
VI	Chi phí dự phòng	Gdp		Gdp1		218.770.801	-	218.770.801
1	Chi phí dự phòng	Gdp1	1,98%	$x(I+II+III+IV+V+VI)$		218.770.801	-	218.770.801
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ: (TMĐT = I+II+III+IV+V+VI)						11.275.029.319	45.970.681	11.321.000.000